





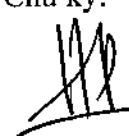



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

**QUY ĐỊNH**  
**SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG MSB**  
**VISA BUSINESS DÀNH CHO**  
**KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC**

**MÃ SỐ: QĐ.EB.021**

**LẦN BAN HÀNH: 02 – HÀ NỘI 2024**

**THÔNG TIN VỀ VĂN BẢN**

1	Tên văn bản	Quy định sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business dành cho Khách hàng Tổ chức		Ghi chú
2	Mã số	QĐ.EB.021		
3	Cấp ban hành	Tổng Giám đốc MSB		
4	Cấp thông qua (nếu có)		Tại phiên họp ngày	
5	Người ký ban hành	Tổng Giám Đốc		
6	Lần ban hành	02		
7	Ngày ban hành	26/08/2024		
8	Ngày hiệu lực	01/07/2024		
9	Đơn vị soạn thảo – Người soạn thảo – Người kiểm tra	Phòng GPTD – Trung tâm Giải pháp – NHDN	Người soạn thảo: Nguyễn Thị Hà Giang Chuyên gia Giải pháp tín dụng IP Phone: 6525	
			Người kiểm tra: Phan Thu Thùy Giám đốc GPTD IP Phone:	
10	Ý kiến của đơn vị thẩm định (Ghi rõ nội dung: Đồng ý, Không đồng ý hoặc Ý kiến khác. Trường hợp Không đồng ý hoặc Ý kiến khác thì phải có văn bản/email bảo lưu ý kiến đính kèm để cấp ban hành xem xét, quyết định. Các văn bản/email bảo lưu ý kiến đính kèm phải được lưu tại Văn thư cùng với văn bản gốc)			
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Ngân hàng Doanh nghiệp	Họ và tên: Hoàng Việt Phương Chức vụ: P.TGD NHDN kiêm Giám đốc TT Giải pháp	Chữ ký:  Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Ngân hàng Doanh nghiệp	Họ và tên: Nguyễn Thế Minh Chức vụ: TGD NHDN	Chữ ký:  Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Ngân hàng Định chế Tài chính	Họ và tên: Nguyễn Thị Vi Anh Chức vụ: P.TGD NH ĐCTC	Chữ ký:  Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
	Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Ngân hàng Định chế Tài chính	Họ và tên: Nguyễn Hương Loan Chức vụ: TGD NH ĐCTC	Chữ ký:  Đồng ý <input checked="" type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/>

					Khác	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Vận Hành	Họ và tên: Hà Thị Ánh Hồng Chức vụ: GD Quản trị nghiệp vụ tín dụng	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Vận Hành	Họ và tên: Nguyễn Hà Thanh Chức vụ: GD Khối Vận Hành	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Ngân hàng Bán Lẻ	Họ và tên: Phạm Hồng Phú Chức vụ: P.TGD NHBL	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Khách hàng chiến lược	Họ và tên: Nguyễn Việt Sơn Chức vụ: GD. Khối KHCL	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Trung tâm thẻ - Ngân hàng Bán Lẻ	Họ và tên: Đào Thị Thanh Hương Chức vụ: Giám đốc Tác nghiệp Thẻ	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Quản lý rủi ro	Họ và tên: Lương Thanh Trà Chức vụ: GD Quản lý rủi ro Thẻ và Dịch vụ Ngân hàng số - K.QLRR	Chữ ký: <i>Đã ký trước đến mai</i>	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Quản lý rủi ro	Họ và tên: Nguyễn Tiến Đức Chức vụ: GD Khối QLRR	Chữ ký:	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đơn vị thẩm định – Người thẩm định	Khối Tư vấn Pháp chế và tuân thủ	Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Dung Chức vụ: GD TVPL NHDN	Chữ ký: <i>Có Phấn ý luật định</i>	Đồng ý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Thay thế văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy định mã số QĐ.EB.021 (lần 1) ban hành ngày 06/10/2020 Quy định sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business dành cho Khách hàng Tổ chức.</li> <li>Quyết định mã số 9373/2021/QĐ-TGD2 ban hành ngày 30/12/2021 V/v: sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy định, Quy trình phát hành, thanh toán và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng tổ chức</li> </ul>				

## MỤC LỤC

<b>Chương I</b> .....	5
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	5
<b>Điều 1.</b> Mục đích ban hành.....	5
<b>Điều 2.</b> Đối tượng Khách hàng, Phạm vi áp dụng.....	5
<b>Điều 3.</b> Giải thích từ ngữ .....	5
<b>Chương II</b> .....	7
<b>ĐẶC ĐIỂM CHI TIẾT CỦA SẢN PHẨM</b> .....	7
<b>Điều 4.</b> Đặc tính sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business .....	7
<b>Điều 5.</b> Tính năng sử dụng của Thẻ.....	8
<b>Điều 6.</b> Lãi suất, Biểu phí và hạn mức giao dịch .....	8
<b>Điều 7.</b> Thiết kế Thẻ .....	11
<b>Điều 8.</b> Hình thức cung cấp ấn phẩm .....	11
<b>Chương III</b> .....	12
<b>QUY TRÌNH TRIỂN KHAI SẢN PHẨM</b> .....	12
<b>Điều 9.</b> Quy trình phát hành, Quy trình phê duyệt cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng.....	12
<b>Chương IV</b> .....	12
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	12
<b>Điều 10.</b> Trách nhiệm thực hiện .....	12
<b>Điều 11.</b> Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản .....	12
<b>Điều 12.</b> Điều khoản thi hành.....	13
Phụ lục PL01/QĐ.EB.021 .....	14
Tài liệu tham chiếu .....	14

## QUY ĐỊNH

### Sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business dành cho Khách hàng Tổ chức

#### TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124891, thứ 26, ngày 13/01/2023;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp.

#### QUY ĐỊNH:

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Mục đích ban hành

- Quy định chi tiết về việc triển khai sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business; bao gồm các nội dung về: Đặc tính sản phẩm, tính năng sản phẩm và các quy định, quy trình phát hành, sử dụng và quản lý Thẻ.
- Phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả và mở rộng danh mục sản phẩm dịch vụ trong hoạt động kinh doanh Thẻ, hoạt động kinh doanh của MSB.

##### Điều 2. Đối tượng Khách hàng, Phạm vi áp dụng

- Đối tượng Khách hàng là Doanh nghiệp hoặc Tổ chức trên toàn hệ thống MSB có nhu cầu phát hành Thẻ và đáp ứng các điều kiện sử dụng Thẻ do MSB quy định.
- Văn bản này được áp dụng trong toàn Hệ thống MSB, bao gồm Trụ sở chính; các Chi nhánh; các Ngân hàng chuyên doanh; các Khối nghiệp vụ và các đơn vị khác.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các thuật ngữ dưới đây được giải thích như sau:

TT	Tên viết tắt	Giải thích từ ngữ
1.	Thẻ tín dụng MSB Visa Business/Thẻ Visa Business/Thẻ tín dụng	Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa dành cho Khách hàng Tổ chức
2.	Khách hàng/KH	Là các Doanh nghiệp hoặc Tổ chức trên toàn hệ thống MSB có nhu cầu phát hành Thẻ và đáp ứng các quy định về cấp tín dụng của MSB, chấp thuận, tuân thủ các điều kiện về phát hành, sử dụng Thẻ do MSB quy định. Khách hàng sẽ ký Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng và các văn bản liên quan (“Hợp đồng”) với MSB. Người đại diện theo Pháp luật hoặc Người được Khách hàng ủy quyền hợp lệ (“Người Đại diện hợp pháp”) ký Giấy đề nghị kiểm

TT	Tên viết tắt	Giải thích từ ngữ
		Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Khách hàng và các văn bản liên quan với MSB.
3.	CBBH	Cán bộ bán hàng, Cán bộ hỗ trợ bán hàng
4.	Đơn vị kinh doanh (ĐVKD)	Đơn vị kinh doanh bao gồm: các Trung tâm kinh doanh, các Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp, Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Doanh nghiệp FDI, Trung tâm Quản lý Đối tác & Khách hàng – FI,... ..các đơn vị có chức năng kinh doanh trực tiếp của MSB tùy theo mô hình tổ chức của MSB từng thời kỳ.
5.	ĐVCNT	Đơn vị chấp nhận Thẻ
6.	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
7.	NHCD	Là Ngân hàng chuyên doanh, được hiểu bao gồm: Ngân hàng doanh nghiệp (NHDN), Ngân hàng quản lý tín dụng (QLTD), Ngân hàng Định chế tài chính (FI), Khối khách hàng chiến lược (SOE), Ngân hàng bán lẻ (RB) và các khối, ban tương đương theo mô hình quản lý của MSB trong từng thời kỳ
8.	TGD NHDN	Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
9.	Phòng GPTD NHDN	Phòng Giải pháp tín dụng Ngân hàng Doanh nghiệp
10.	Mã số xác định Người sử dụng Thẻ (PIN - Personal Identification Number)	Là mã số mật của cá nhân được MSB cung cấp cho Người sử dụng Thẻ lần đầu và sau đó Người sử dụng Thẻ thay đổi theo quy trình của MSB để sử dụng trong các giao dịch Thẻ. Mã số PIN do Người sử dụng Thẻ chịu trách nhiệm bảo mật.
11.	Mã số tổ chức phát hành Thẻ (BIN - Bank Identification Number)	Là một dãy chữ số bao gồm: BIN xác định MSB theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng, BIN do TCTQT cấp và BIN của quốc gia khác. Trường hợp Thẻ có BIN do TCTQT cấp hoặc Thẻ có BIN của quốc gia khác, việc cấp, sử dụng và quản lý BIN được thực hiện theo quy định của TCTQT hoặc quốc gia cấp BIN đó.
12.	Thiết bị chấp nhận Thẻ tại điểm bán	Bao gồm Point of Sale (POS), Mobile Point of Sale (mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận Thẻ khác là các thiết bị đọc Thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các Đơn vị chấp nhận Thẻ mà Người sử dụng Thẻ có thể sử dụng Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thẻ có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức thanh toán Thẻ để cung ứng tiền mặt cho Khách hàng theo thỏa thuận giữa Tổ chức thanh toán Thẻ và Tổ chức phát hành Thẻ phù hợp với phạm vi sử dụng Thẻ theo quy định tại Quy định này.

TT	Tên viết tắt	Giải thích từ ngữ
13.	Máy giao dịch tự động/ATM	Là thiết bị mà Người sử dụng Thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vắn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin Thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.
14.	QT.EB.005	Quy trình phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng tổ chức
15.	TCTQT	Tổ chức Thẻ quốc tế
16.	TNTD	Tác nghiệp tín dụng
17.	DVKH	Dịch vụ khách hàng

## **Chương II** **ĐẶC ĐIỂM CHI TIẾT CỦA SẢN PHẨM**

### **Điều 4. Đặc tính sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business**

1. Loại Thẻ: Thẻ tín dụng EMV Contactless;
2. Thương hiệu Thẻ: Thẻ quốc tế Visa;
3. Đầu BIN: 479155 - Visa Business Credit;
4. Hạng Thẻ: Visa Gold Business;
5. Tên sản phẩm in trên Thẻ: Visa Business;
6. Tên sản phẩm trên hệ thống: 011-Corporate Visa Business Card;
7. Hạn mức tín dụng Thẻ: MSB cấp hạn mức tín dụng thẻ có Tài sản bảo đảm, không Tài sản bảo đảm theo nhu cầu của Khách hàng, phù hợp với quy mô và kế hoạch kinh doanh của Khách hàng, trên cơ sở đánh giá Khách hàng sử dụng tiền được cấp tín dụng thông qua phát hành thẻ đúng mục đích và có khả năng tài chính để đảm bảo trả nợ đúng hạn, đảm bảo quy định về giới hạn cấp tín dụng theo các Chương trình tín dụng, chính sách tín dụng áp dụng cho từng phân khúc Khách hàng của MSB và pháp luật;
8. Thời hạn Thẻ: Tối đa 05 năm, trường hợp Người sử dụng Thẻ là người nước ngoài thì thời hạn hiệu lực Thẻ không vượt quá thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam;
9. Số lượng Thẻ: Không giới hạn số lượng Thẻ cấp cho Khách hàng, số lượng Thẻ phát hành phụ thuộc vào nhu cầu của Khách hàng trong từng thời kỳ và được MSB chấp thuận. MSB chỉ phát hành Thẻ Chính, không phát hành Thẻ Phụ;
10. Phạm vi sử dụng: Trên toàn thế giới (tại các ATM/POS có biểu tượng MSB và các đơn vị chấp nhận Thẻ có biểu tượng Visa);
11. Quản lý tập trung: Hội sở;
12. Mã sản phẩm trên hệ thống Way4: PCORPVBC;
13. Tỷ lệ thanh toán tối thiểu: 5%. Trường hợp Thẻ tín dụng của Khách hàng bị tính phí chậm trả 3 kỳ liên tiếp và tại Ngày sao kê của các Kỳ sao kê sau vẫn còn Giá trị thanh toán tối thiểu của các Kỳ sao kê liên trước đây chưa được thanh toán: Tại ngày chốt sao kê của Kỳ sao kê thứ 4 trở đi Khách hàng phải thanh toán toàn bộ dư nợ của Người sử dụng Thẻ bị quá hạn và tỷ lệ thanh toán tối thiểu là 100%;
14. Ngày chốt sao kê: Ngày 11 hàng tháng;

15. Ngày gửi sao kê: Tối đa 05 ngày kể từ Ngày chốt sao kê;
16. Ngày đến hạn thanh toán: 15 ngày kể từ Ngày chốt sao kê;
17. Điều kiện hạch toán: Hạch toán theo sản phẩm Thẻ tín dụng Visa của MSB trong từng thời kỳ;
18. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này: thực hiện theo Quy định phát hành, thanh toán và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức mã số QĐ.EB.020 do Tổng Giám đốc MSB ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ (bao gồm nhưng không giới hạn quy định về: Điều kiện Khách hàng, Điều kiện Người sử dụng thẻ, Các Thông tin trên Thẻ, công thức tính giá trị thanh toán tối thiểu, lãi suất quá hạn, trong hạn, các trường hợp từ chối thanh toán Thẻ, tạm khóa Thẻ, chấm dứt sử dụng và thu hồi Thẻ; các trường hợp mất Thẻ hoặc lộ thông tin Thẻ; tra soát xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng Thẻ).

#### **Điều 5. Tính năng sử dụng của Thẻ**

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận Thẻ (ĐVCNT) có biểu tượng MSB và VISA (POS)	
2	Thực hiện giao dịch không xuất trình Thẻ: E-Commerce, Telephone order, MO/TO, Mail order...	
3	Thanh toán không tiếp xúc (Contactless)	
4	Giao dịch tại ATM của MSB, ATM có biểu tượng Visa trên toàn thế giới và các điểm ứng tiền tại các đơn vị được cấp phép	
5	Rút tiền tại ATM của MSB và ATM có biểu tượng Visa trên toàn thế giới và các điểm ứng tiền tại các đơn vị được cấp phép	Theo hạn mức rút tiền mặt của Thẻ tín dụng nêu tại Khoản 2 Điều 6 Quy định này
6	Đổi PIN	Chỉ thực hiện tại ATM của MSB hoặc các kênh điện tử do MSB cung cấp trong từng thời kỳ.
7	Truy vấn hạn mức khả dụng	
8	Các tính năng khác theo quy định của MSB trong từng thời kỳ.	

#### **Điều 6. Lãi suất, Biểu phí và hạn mức giao dịch**

##### 1. Thông tin lãi suất Thẻ tín dụng:

<b>STT</b>	<b>LÃI SUẤT</b>	<b>CHI TIẾT</b>
1	Lãi suất chi tiêu trong hạn/năm	26%
2	Lãi suất áp dụng cho các giao dịch thu phí/năm	26%
3	Lãi suất rút tiền mặt trong hạn tại ATM và các đơn vị được cấp phép/năm	26%
4	Lãi suất quá hạn	150% lãi suất chi tiêu, rút tiền mặt, phí trong hạn

Các quy định về tính lãi suất áp dụng theo Quy định phát hành, thanh toán và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức mã số QĐ.EB.020 do Tổng Giám đốc MSB ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.

2. Hạn mức giao dịch:

STT	GIAO DỊCH	CHI TIẾT
1	<b>Rút tiền mặt tại ATM và các điểm ứng tiền tại các đơn vị được cấp phép (Rút tiền)</b>	
1.1	Hạn mức rút tiền mặt/BIN/Tháng	Tối đa 100,000,000 (một trăm) VNĐ/Khách hàng
	Hạn mức rút tiền/Thẻ/Tháng	Tối đa: 30%/ hạn mức khả dụng của từng Thẻ nhưng tối đa không vượt quá 100,000,000 (Một trăm triệu đồng) VNĐ.
1.2	Hạn mức rút tiền trong ngày/Thẻ	- Hạn mức rút tiền mặt trong nước tối đa: 50,000,000 (Năm mươi triệu đồng) VNĐ. - Hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài tối đa tương đương: 30,000,000 (Ba mươi triệu đồng) VNĐ.
1.3	Hạn mức rút tiền /lần/Thẻ	Tối đa 20,000,000 (hai mươi triệu đồng) VNĐ.
2	<b>POS (trong nước và nước ngoài)</b>	
2.1	Hạn mức giao dịch POS	Tối đa: Bằng hạn mức khả dụng của Thẻ <sup>1</sup>
2.2	Hạn mức giao dịch POS trong ngày	Theo giới hạn giao dịch mà Khách hàng mong muốn cài đặt, đảm bảo tại mọi thời điểm dư nợ giao dịch POS và dư nợ của các giao dịch khác không vượt quá Hạn mức tín dụng của Thẻ.
3	<b>E-COMMERCE – Giao dịch trực tuyến (trong nước và nước ngoài)</b>	
3.1	Hạn mức giao dịch E-Commerce (giao dịch online)	Tối đa: Bằng hạn mức khả dụng của Thẻ
3.2	Hạn mức giao dịch E-Commerce trong ngày	Theo giới hạn giao dịch mà Khách hàng mong muốn cài đặt, đảm bảo tại mọi thời điểm dư nợ giao dịch E-Commerce và dư nợ của các giao dịch khác không vượt quá Hạn mức tín dụng của Thẻ.
4	<b>CONTACTLESS (trong nước và nước ngoài)</b>	
4.1	Hạn mức giao dịch Contactless	Tối đa: Bằng hạn mức khả dụng của Thẻ
4.2	Hạn mức giao dịch Contactless trong ngày	Tối đa: 10,000,000 (mười triệu đồng) VNĐ.

Tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng các tính năng giao dịch của Thẻ, Khách hàng có thể:

- Tắt/mở (on/off) từng tính năng giao dịch Rút tiền, POS, E-Commerce, Contactless trong nước và nước ngoài;
- Điều chỉnh tăng/giảm giá trị hạn mức giao dịch trong ngày theo từng tính năng giao dịch Rút tiền, POS, E-Commerce, Contactless đảm bảo dư nợ Thẻ tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ;
- Quy trình tắt/mở các tính năng giao dịch Thẻ, điều chỉnh tăng/giảm hạn mức giao dịch Thẻ theo quy định của MSB tại từng thời kỳ<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Hạn mức khả dụng là hạn mức tối đa mà người sử dụng có thể chi tiêu/rút tiền mặt tại một thời điểm

<sup>2</sup> QT.EB.005

### 3. Biểu phí Thẻ tín dụng Visa Business

#### a) Biểu phí Thẻ tín dụng Visa Business:

STT	LOẠI PHÍ	CHI TIẾT	HÌNH THỨC THU PHÍ	NGƯỜI THU PHÍ	GL THU PHÍ
1	Phí phát hành Thẻ (*)	Miễn phí			
2	Phí thường niên (*)	Miễn phí			
3	Phí rút tiền tại ATM và các điểm ứng tiền tại các đơn vị được cấp phép	4% giá trị giao dịch TT: 100,000 đồng/giao dịch	Tự động	Hệ thống	52011 (Thu phí rút tiền mặt qua ATM)
4	Phí truy vấn số dư tại ATM của MSB	5,000 VND/giao dịch	Tự động	Hệ thống	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ tại máy ATM)
5	Phí phát hành lại Thẻ theo yêu cầu của Khách hàng, mất, hư hỏng	100,000 VND/Thẻ	Thủ công	DVKH	52010 (Thu phí phát hành thẻ)
6	Phí phát hành lại Thẻ do hết hạn (*)	Miễn phí			
7	Phí thay đổi hạn mức sử dụng Thẻ	Miễn phí			
8	Phí tra soát khiếu nại (áp dụng khi Khách hàng khiếu nại sai)	200,000 VND/giao dịch	Thủ công	DVKH	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
9	Phí gửi sao kê qua email định kỳ hàng tháng	Miễn phí			
10	Phí cấp lại sao kê tại quầy	100,000 VND/kỳ sao kê/Thẻ	Thủ công	DVKH	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
11	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch trong ngân hàng	80,000 VND/giao dịch	Thủ công	DVKH	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
12	Phí trả chậm Thẻ tín dụng/ số tiền chậm trả (*)	4% TT: 100,000 VND	Tự động	Hệ thống	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
13	Phí chấm dứt sử dụng Thẻ khi Khách hàng đóng Thẻ trước thời hạn hết hạn của hạn mức tín dụng	200,000 VND/mỗi Thẻ	Thủ công	DVKH	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
14	Phí xử lý giao dịch Thẻ quốc tế bằng ngoại tệ	3%* (nhân) số tiền giao dịch	Tự động	Hệ thống	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)
15	Phí vượt hạn mức (*)	Miễn phí			
16	Phí xác nhận tài khoản theo yêu cầu	50,000 VND/lần	Thủ công	TNTD	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)

STT	LOẠI PHÍ	CHI TIẾT	HÌNH THỨC THU PHÍ	NGƯỜI THU PHÍ	GL THU PHÍ
	của Khách hàng bằng văn bản				
17	Phí yêu cầu dịch vụ khác	100,000 VND/giao dịch	Thủ công	TNTD	52011 (Thu phí dịch vụ thẻ)


*Lưu ý: Biểu phí trên chưa bao gồm VAT, ngoại trừ (\*) là các phí không áp dụng VAT*

Tùy thuộc vào từng thời điểm, MSB sẽ ban hành Biểu phí Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức và sẽ được MSB công bố, niêm yết công khai theo quy định của Pháp luật.

b) Thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ (bao gồm miễn/giảm phí):

- Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp SME/SSE: GD Vùng (Ngân hàng Doanh nghiệp)/Giám đốc Quản lý kinh doanh (Ngân hàng Bán lẻ)/Giám đốc Quản lý kênh bán tập trung (Ngân hàng Bán lẻ);
- Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp lớn: GD TTPK KHDNL (Ngân hàng Doanh nghiệp)/ Giám đốc Trung tâm phân khúc (Ngân hàng Bán lẻ);
- Khách hàng của Khối KHCL: Phó Giám đốc K.KHCL/Người được ủy quyền;
- Đối với KH của FI: Giám đốc TT Quản lý Quan hệ Đối tác và Khách hàng/Phó TGD FI/Người được ủy quyền.

#### Điều 7. Thiết kế Thẻ

STT	Tên tiếng việt khi truyền thông	Tên sản phẩm trên Way4	Mẫu phối Thẻ sử dụng
1	Thẻ tín dụng MSB Visa Business	PCORPVBC	

#### Điều 8. Hình thức cung cấp ấn phẩm

1. Bộ ấn phẩm gửi Thẻ, gồm:

- Phong bì sản phẩm
- Thẻ

- Thư chào mừng
2. Bộ hướng dẫn trực tuyến
- Hướng dẫn sử dụng Thẻ tín dụng
  - Biểu phí và hạn mức
  - Khuyến mại/Ưu đãi

### **Chương III**

#### **QUY TRÌNH TRIỂN KHAI SẢN PHẨM**

#### **Điều 9. Quy trình phát hành, Quy trình phê duyệt cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng**

1. Quy trình Phê duyệt: Theo Quy trình cấp tín dụng và chương trình tín dụng của các NHCD.
2. Quy trình phát hành, sử dụng và quản lý Thẻ: Thực hiện theo Quy trình phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức do Tổng Giám đốc MSB ban hành trong từng thời kỳ<sup>1</sup>.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm thực hiện**

1. Phòng GPTD NHDN là đầu mối phối hợp với các bộ phận liên quan để triển khai sản phẩm Thẻ tín dụng Visa Business, hỗ trợ và hướng dẫn ĐVKD xử lý vướng mắc trong quá trình vận hành sản phẩm.
2. Khối Quản lý rủi ro: Thực hiện các quy trình thẩm định, phê duyệt, cảnh báo sớm, quản lý nợ, kiểm soát giao dịch Thẻ.
3. Trung tâm Thẻ - Ngân hàng Bán lẻ: Thực hiện cá thể hóa Thẻ/PIN, giao Thẻ/PIN cho Khách hàng, xử lý các nghiệp vụ phát sinh liên quan khác liên quan đến Thẻ tín dụng Doanh nghiệp theo đúng chức năng và nhiệm vụ.
4. Bộ phận Contact Center của Khối Vận hành phụ trách hỗ trợ kích hoạt Thẻ, giải đáp thắc mắc và các nghiệp vụ khác có liên quan cho ĐVKD và Khách hàng trong quá trình vận hành Thẻ.
5. Phòng GPTD NHDN phối hợp với Khối Marketing và Truyền thông có trách nhiệm thông báo trước, công khai cho Khách hàng việc tài trợ cho người có ảnh hưởng dưới mọi hình thức để sử dụng hình ảnh, lời khuyên, khuyến nghị của người này nhằm xúc tiến thương mại hoặc khuyến khích người tiêu dùng mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật và quy định của MSB trong từng thời kỳ.
6. Các cá nhân, đơn vị, phòng ban khác có liên quan thực hiện theo các công việc theo nội dung được quy định rõ trong hướng dẫn này.

#### **Điều 11. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng văn bản**

1. Phòng GPTD NHDN có trách nhiệm đánh giá chất lượng văn bản theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của MSB nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với các nội dung không còn phù hợp với pháp luật và/hoặc gây khó khăn, bất lợi cho hoạt động của MSB.
2. Khi có những nội dung nào trong văn bản này trái với quy định của Pháp luật, đơn vị soạn

---

<sup>1</sup> QT.EB.005 v/v Quy trình phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức

thảo có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận Quản lý chính sách nội bộ, Khối Tư vấn pháp lý và Tuân thủ đánh giá, phân tích tác động và trình cấp ban hành để chỉ đạo xử lý kịp thời.

3. Đơn vị soạn thảo văn bản có trách nhiệm niêm yết tại quầy và phối hợp với Khối Marketing và Truyền thông để đăng tải các thông tin về Sản phẩm, dịch vụ, biểu phí, lãi suất, Bản Điều khoản và Điều kiện giao dịch chung và các mẫu biểu có liên quan (nếu có) lên website của MSB tại địa chỉ <https://www.msb.com.vn/> theo Quy trình mã số QT.PR.004 của Tổng Giám đốc về Quản lý thông tin trên cổng thông tin điện tử và theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
4. Đối với các sản phẩm, dịch vụ có sử dụng các Bản Điều khoản và Điều kiện giao dịch chung và các mẫu biểu điện tử (online) thay vì bản giấy, Khối Marketing và Truyền thông có trách nhiệm duy trì việc đăng tải và lưu trữ liên tục các Bản Điều khoản và Điều kiện giao dịch chung và các mẫu biểu này trên website của MSB, đảm bảo Khách hàng và cán bộ nhân viên MSB có thể truy cập tại mọi thời điểm, kể cả khi các văn bản này đã hết hiệu lực thi hành. Việc xóa các Bản Điều khoản và Điều kiện giao dịch chung và các mẫu biểu điện tử (online) chỉ được thực hiện khi có quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh/Khối/Ban phụ trách Sản phẩm, dịch vụ đó và có ý kiến của Khối Tư vấn pháp lý & Tuân thủ.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024, trừ khoản 2, Điều này và thay thế các văn bản sau:
  - a) Quy định sản phẩm Thẻ tín dụng MSB Visa Business dành cho Khách hàng Tổ chức mã số QĐ.EB.021 (lần 1) ban hành ngày 06/10/2020.
  - b) Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy định, Quy trình phát hành, thanh toán và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng tổ chức mã số 9373/2021/QĐ-TGD2 ban hành ngày 30/12/2021.
2. Số thứ tự 1(1.1), khoản 2, Điều 6, Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Tổng Giám đốc MSB quyết định.
4. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy định này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của MSB.
5. Tổng Giám đốc các Ngân hàng chuyên doanh; Giám đốc các Khối nghiệp vụ; Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

### **Nơi nhận:**

- TV HĐQT, BKS;
- TGD, các PTGD;
- Các NHCD, Khối;
- Các CN; Trung tâm GP NHDN
- Các Phòng, Ban, TT TSC;
- VT.TVPL&TT; VH.TN&Đ
- Lưu: VT, Phòng GPTD.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN PHI HÙNG**

## **Phụ lục PL01/QĐ.EB.021**

### **Tài liệu tham chiếu<sup>1</sup>**

1. Văn bản quy phạm pháp luật:
  - a. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;
  - b. Thông tư 18/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 06 năm 2024 về việc Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.
  - c. Quy định 2345/QĐ-NHNN ngày 18/12/2023 v/v triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng;
  - d. Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
2. Văn bản định chế của MSB:
  - a. Quy định mã số QĐ.EB.020 của Tổng Giám đốc ban hành lần 02 về Quy định Phát hành, thanh toán và sử dụng Thẻ tín dụng dành cho Khách hàng Tổ chức;
  - b. Các văn bản định chế khác có liên quan.

---

<sup>1</sup> Trường hợp các văn bản tham chiếu bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì Quy định này sẽ tự động dẫn chiếu đến các văn bản đang có hiệu lực thi hành